

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN C
THÀNH PHỐ C
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 151/2022/DS-ST

Ngày 27/12/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Vũ Linh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Phạm Văn Vĩ.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Bà **Võ Thị Nhu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2022/TLST-DS ngày 13/10/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 31/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hồng P**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 2B đường số 9, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Vũ P**, sinh năm 1992 (ngày 26/02/2022) (Có mặt).

Địa chỉ: Số 234/32 đường Hoàng Quốc Việt, phường A, quận N, thành phố C.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

2.2. Bà Từ Thị Kim T, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 232/1 khu vực Y, phường T, quận C, thành phố C.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Phương Dung**, sinh năm 1989 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 2B đường số 9, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện (đề ngày 25/9/2022 của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P) và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Vũ P (đại diện uỷ quyền của nguyên đơn) trình bày và yêu cầu: Trước đây do quen biết nên ông P có cho ông Huỳnh Văn T và bà Từ Thị Kim T vay số tiền là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) vào ngày 12/11/2021, hai bên có lập văn bản và được công chứng tại Văn phòng Công chứng H, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 0,83%/tháng. Tuy nhiên, sau đó phía ông T và bà T không có trả gốc và lãi theo nội dung thỏa thuận, nay ông P khởi kiện yêu cầu buộc ông Huỳnh Văn T và bà Từ Thị Kim T có nghĩa vụ trả tổng số tiền là 1.639.840.000đ (Một tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) (tạm tính đến tháng 02 năm 2022) và tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn cho đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Vũ P (đại diện uỷ quyền của nguyên đơn) vẫn giữ phân trình bày như trên của mình.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; thời hạn xét xử đúng quy định; không phát hiện vi phạm.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định; đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Từ Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do việc vay mượn nợ giữa hai bên đương sự có lập thành văn bản và được công chứng tại Văn phòng Công chứng H, theo đó thể hiện phía bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Từ Thị Kim T vay số tiền gốc của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), có thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 12/11/2021, tức đến ngày 12/5/2022 phía ông T và bà T

có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên cho nguyên đơn ông P. Tuy nhiên, bị đơn ông T và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T, bà T có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) cho nguyên đơn ông P.

Ngoài ra, theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông P yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, theo hợp đồng vay tài sản ngày 12/11/2021 giữa nguyên với bị đơn có thỏa thuận mức lãi suất nhưng không rõ mức lãi suất nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trường hợp này mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng, số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 219.680.000đ (Hai trăm mười chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P cho rằng trước đây năm 2021 thông qua quan hệ quen biết nên có cho ông Huỳnh Văn T, bà Từ Thị Kim T vay số tiền gốc là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) vào ngày 12/11/2021, hai bên có lập thành văn bản. Theo đó ông T, bà T cam kết 06 tháng sẽ hoàn trả số tiền trên, tuy nhiên sau đó ông T, bà T cố tình trốn tránh không trả số nợ còn thiếu, nên ông khởi kiện yêu cầu ông T, bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định. Quan hệ trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Từ Thị Kim T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Phương Dung có yêu cầu giải quyết vắng mặt, xét đây là quyền của đương sự và phù hợp quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Từ Thị Kim T trả số tiền nợ gốc 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P cho rằng trước đây thông qua quan hệ quen biết nên có cho ông Huỳnh Văn T, bà Từ Thị Kim T vay số tiền nợ gốc 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) vào ngày 12/11/2021, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn ông P có xuất trình Hợp đồng vay tài sản ngày 12/11/2021 (bản gốc) (BL 11 và 12), được công chứng tại Văn phòng Công chứng H, theo đó có nội dung ông T, và Tiến vay số tiền nợ gốc 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) của ông P, thời hạn vay là 06 tháng, hợp đồng có chữ ký xác nhận của bị đơn ông T, bà T và công chứng viên H (Văn phòng Công chứng H). Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và triệu tập bị đơn ông T, bà T đến trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn ông T, bà T vắng mặt mà không có lý do.

Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 “*Những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp...*” thì không phải chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tài sản ngày 12/11/2021 giữa nguyên và bị đơn đã được Văn phòng Công chứng H công chứng đúng quy định của pháp luật, thể hiện bị đơn ông T, bà T vay số tiền gốc 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) của ông P, theo quy định của pháp luật vừa viện dẫn thì tình tiết này không phải chứng minh. Do ông T, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho nên Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) cho nguyên đơn ông P là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P buộc ông T, bà T có nghĩa vụ trả lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo hợp đồng vay tài sản ngày 12/11/2021 thể hiện hai bên có thoả thuận lãi suất với nhau, cụ thể tại Điều 3 của Hợp đồng “*Lãi suất do hai bên tự thoả thuận đúng theo quy định của pháp luật*”, trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn ông P cho rằng hai bên có thoả thuận mức lãi suất là 0,83%/tháng. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của mình thì nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời nại ra này, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 quy

định “*Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Như vậy, theo quy định của pháp luật vừa viện dẫn thì mức lãi suất được áp dụng trong trường hợp này là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng. Nguyên đơn ông P cho rằng kể từ thời điểm vay cho đến nay phía bị đơn không có trả lãi cho nguyên đơn, nên thời gian tính lãi được tính từ ngày 13/11/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 13 tháng (làm tròn), gồm tiền lãi trong hạn là 06 tháng và tiền lãi quá hạn là 07 tháng. Có mặt tại phiên toà sơ thẩm, ông Nguyễn Vũ P (đại diện uỷ quyền của nguyên đơn) yêu cầu bị đơn trả lãi với thời gian là 13 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng, xét ý kiến này của đại diện uỷ quyền nguyên đơn phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử và có lợi cho bị đơn về mức lãi suất, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi bị đơn ông T, bà T phải trả cho nguyên đơn ông P là: $((1.600.000.000đ \times 0,83\%/tháng) \times 06 \text{ tháng}) + ((1.600.000.000đ \times 1,25\%/tháng) \times 06 \text{ tháng}) = 219.680.000đ$ (Hai trăm mười chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi bị đơn ông T, bà T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông P là: $1.600.000.000đ + 219.680.000đ = 1.819.680.000đ$ (Một tỷ tám trăm mười chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Từ Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 66.590.400đ (Sáu mươi sáu triệu năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.395.200đ (Ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0008637 ngày 10/10/2022 của của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

[5] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Số tiền là 3.384.000đ (Ba triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng), nguyên đơn ông P chịu; ông P đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong nên không phải nộp nữa.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 464, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Từ Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P tổng số tiền là 1.819.680.000đ (Một tỷ tám trăm mười chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc còn thiếu là 1.600.000.000đ và số tiền lãi là 219.680.000đ.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông T, bà T chưa thi hành thì còn có nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Từ Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 66.590.400đ (Sáu mươi sáu triệu năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.395.200đ (Ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0008637 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

3. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Số tiền là 3.384.000đ (Ba triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng), nguyên đơn ông P chịu; ông P đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong nên không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc

thẩm theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND Tp.C;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phan Vũ Linh